

HƯỚNG DẪN TẠM THỜI

**Thực hiện quy trình đầu tư dự án theo phương thức đối tác
công tư tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày / /2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng đối với việc thực hiện quy trình đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Lãnh đạo, viên chức, người lao động của Đại học Quốc gia Hà Nội khi tham gia vào một trong các công việc thuộc quy trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư: lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án; lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án; lựa chọn nhà đầu tư; ký kết hợp đồng dự án; triển khai hợp đồng dự án.

- Nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

- Áp dụng chính xác, đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng trong đầu tư; thống nhất nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người sử dụng và cộng đồng xuyên suốt quá trình triển khai, thực hiện quy trình dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Theo đúng các quy định, chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội. Việc tổ chức thực hiện Hướng dẫn này bảo đảm tuân thủ Quy chế làm việc, Quy chế phối hợp và chế độ báo cáo hiện đang áp dụng tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Những nội dung không được quy định trong Hướng dẫn này hoặc trái với

quy định pháp luật thì thực hiện theo quy định pháp luật. Trường hợp các nội dung tại Hướng dẫn này dẫn chiếu hoặc có liên quan tới công việc chuyên môn khác (về xây dựng, tài chính...) đã được Đại học Quốc gia Hà Nội hướng dẫn thực hiện, đang có giá trị hiệu lực thì áp dụng theo quy định hướng dẫn đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị chuẩn bị dự án

- Đối với dự án do Đại học Quốc gia Hà Nội lập: *Đơn vị chuẩn bị dự án* là đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội được Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan. Việc giao nhiệm vụ được thực hiện bằng văn bản dưới hình thức quyết định, trong đó xác định thời hạn thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất: *Đơn vị chuẩn bị dự án* là nhà đầu tư đề xuất dự án sau khi được Đại học Quốc gia Hà Nội giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo văn bản chấp thuận quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo văn bản thỏa thuận quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

Ban Xúc tiến đầu tư là *đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định* nêu tại khoản 3 Điều 6 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công

Ban Kế hoạch - Tài chính là *cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* nêu tại điểm c khoản 3 Điều 13 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020.

4. Tổng mức đầu tư của dự án PPP: Nội dung và phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Các từ viết tắt:

- CTX : Chi thường xuyên
- Dự án PPP : Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
- ĐHQGHN : Đại học Quốc gia Hà Nội.

- ĐTC : Đầu tư công.
- HĐTĐCS : Hội đồng thẩm định cơ sở.
- HTMĐTQG : Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Luật PPP : Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020.
- NCTKT : Nghiên cứu tiền khả thi.
- NĐ số 99 : Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).
- NĐ số 28 : Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Nghị định số 28/2021/NĐ-CP)
- NĐ số 35 : Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)
- NĐ số 114 (đã số, bs) : Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (đã sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ)
- NSNN : Ngân sách nhà nước
- TMĐT : Tổng mức đầu tư
- TW : Trung ương
- PA : Phương án

Chương II **NỘI DUNG**

Mục 1. THẨM QUYỀN, CÁC LOẠI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP, QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC THAM GIA DỰ ÁN PPP

Điều 5. Thẩm quyền của ĐHQGHN và Giám đốc ĐHQGHN khi tham gia dự án PPP

1. ĐHQGHN là cơ quan có thẩm quyền theo Luật PPP

a) Căn cứ xác định: điểm c khoản 1 Điều 5 Luật PPP; Nghị định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ về việc thành lập ĐHQGHN; khoản 9 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 99/2018/TT-

BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

b) ĐHQGHN thực hiện trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 94 Luật PPP, Điều 23 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP và quy định khác theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đầu tư.

2. ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP hoặc có thể ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thuộc thẩm quyền của mình.

a) Căn cứ thực hiện: khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Luật PPP.

b) Trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng:

- Ký kết hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 49 Luật PPP;

- Thực hiện trách nhiệm của một bên trong hợp đồng dự án PPP gồm:

+ Trách nhiệm về quản lý, giám sát chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật PPP;

+ Quyết toán vốn đầu tư công trình hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại Điều 60 Luật PPP;

+ Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại Điều 61 Luật PPP;

+ Phối hợp với doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật PPP;

+ Sửa đổi hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 50 Luật PPP;

+ Thanh lý hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 68 Luật PPP.

- Quản lý, thanh toán vốn nhà nước theo quy định tại mục 1 Chương VI Luật PPP.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP và pháp luật về PPP.

c) Trường hợp ĐHQGHN ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng thì ĐHQGHN có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, chịu trách nhiệm về các nội dung công việc do cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện; cơ quan ký kết hợp đồng chịu trách nhiệm trước ĐHQGHN và pháp luật về việc thực hiện các nội dung công việc được ủy quyền.

- Hình thức ủy quyền: Bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phạm vi, nội dung ủy quyền, trách nhiệm của đơn vị được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án.

- Cách thức xác định đơn vị được ủy quyền: Đơn vị được ủy quyền là đơn vị do Giám đốc ĐHQGHN quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

3. Giám đốc ĐHQGHN có thẩm quyền

a) Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật PPP đối với các dự án đáp ứng các tiêu chí:

- Thuộc phạm vi quản lý của ĐHQGHN.

- Không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Luật PPP. Theo đó, Giám đốc ĐHQGHN quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng hoặc trên 800 tỷ đồng nhưng không sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Luật PPP, khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công năm 2019, khoản 4, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) Phê duyệt dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật PPP đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý; thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của ĐHQGHN và của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định thành lập Hội đồng cơ sở thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án PPP và thực hiện các nhiệm vụ khác theo pháp luật về PPP.

Điều 6. Các loại hợp đồng dự án PPP mà ĐHQGHN có thể tham gia

Căn cứ yêu cầu cung cấp dịch vụ và nhu cầu hợp tác đầu tư, ĐHQGHN có thể lựa chọn tham gia một trong các loại hợp đồng quy định tại Điều 45 Luật PPP như sau:

1. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công, gồm: Hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BOO, hợp đồng O&M.

2. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công: Hợp đồng BTL, hợp đồng BLT.

3. Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng kết hợp giữa các loại hợp đồng trên.

Điều 7. Quản lý vốn nhà nước tham gia dự án PPP

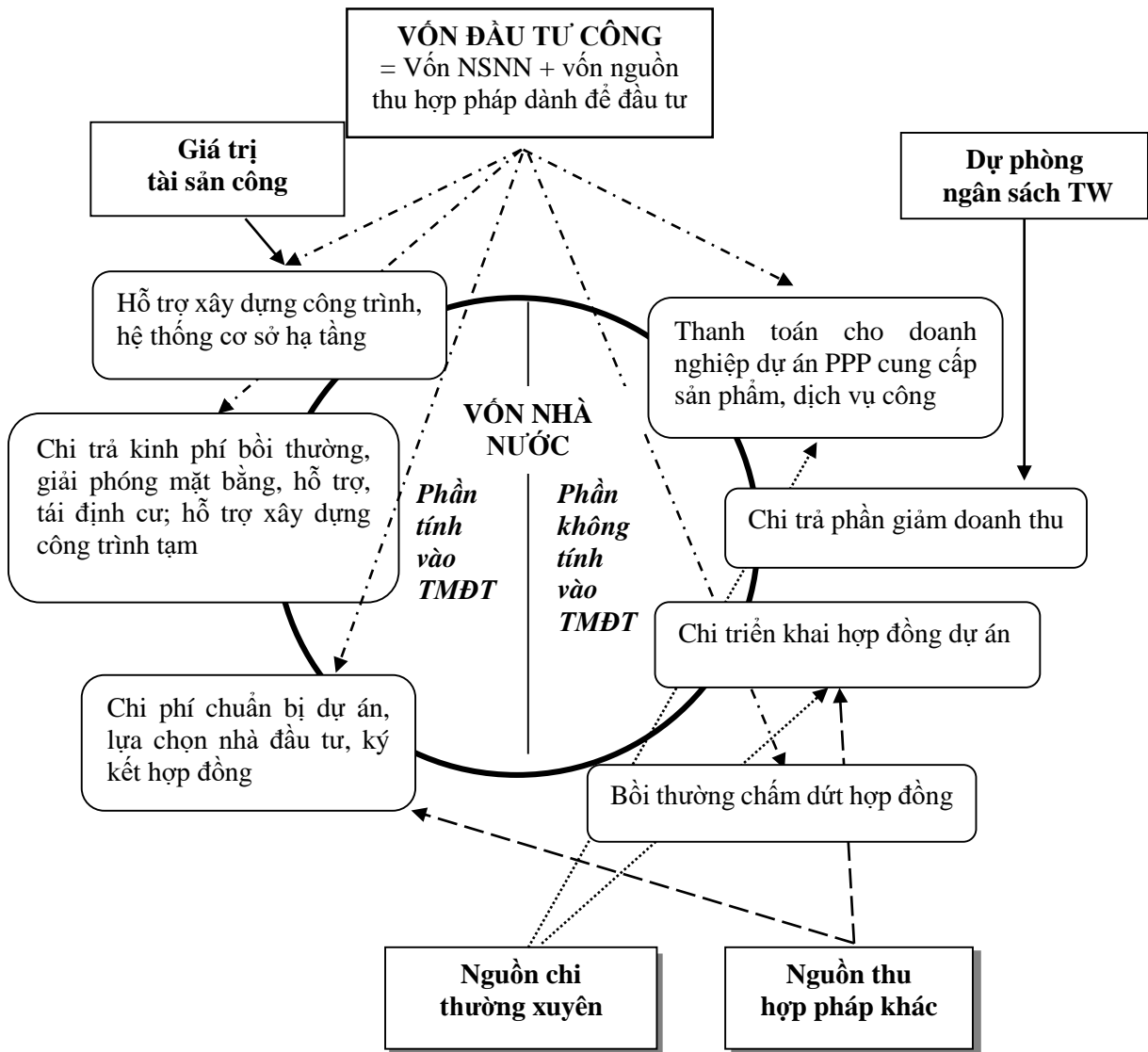
1. Mục đích sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP; nguồn vốn, quản lý vốn và thanh toán vốn Nhà nước

Thực hiện theo nội dung tại Bảng 1 và Hình 1 về mục đích sử dụng vốn Nhà nước và nguồn vốn Nhà nước tham gia dự án PPP dưới đây:

Mục đích	Căn cứ thực hiện (ngoài căn cứ tại Điều 69 Luật PPP)	Nguồn vốn	Tính vào TMĐT	Quản lý	Thanh toán
Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP	Điều 70 Luật PPP	Vốn ĐTC hoặc giá trị tài sản công	x	Tách thành tiểu dự án hoặc bố trí vào hạng mục cụ thể	- Tách thành tiểu dự án: thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 23 NĐ số 99, khoản 4 Điều 76 NĐ số 35. - Trường hợp bố trí vào hạng mục cụ thể: thực hiện theo hợp đồng dự án
Chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm	Điều 72 Luật PPP	Vốn ĐTC	x	Tách thành dự án thành phần hoặc tiểu dự án	Thực hiện theo pháp luật về đầu tư công, Điều 22 NĐ số 99
Chi trả phần giảm doanh thu	Khoản 3 Điều 82 Luật PPP	Dự phòng ngân sách TW			Điều 16, 17, 18 NĐ số 28
Chi phí chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng	Khoản 1, khoản 2 Điều 73 Luật PPP và Điều 32 NĐ số 35; khoản 2 Điều 11 NĐ số 114 (đã sđ,bs)	Vốn ĐTC, nguồn vốn hợp pháp khác	x		Nhà đầu tư chịu trách nhiệm hoàn trả theo khoản 2 Điều 73 Luật PPP; Điều 22 NĐ số 99
Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc	Điểm b khoản 1 Điều 23 NĐ số 35	Vốn NSNN	x		Pháp luật về xây dựng
Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng	Điểm b khoản 4 Điều 59, khoản 4 Điều 66, khoản 3 Điều 73, Điều 75 Luật PPP	Vốn CTX			Lập dự toán và thanh toán theo khoản 2 Điều 75 Luật PPP và pháp luật về NSNN
Mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng	Khoản 6 Điều 52 Luật PPP	Vốn ĐTC, vốn nhà nước theo quy định pháp luật			Thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 23 NĐ số 99

Mục đích	Căn cứ thực hiện (ngoài căn cứ tại Điều 69 Luật PPP)	Nguồn vốn	Tính vào TMĐT	Quản lý	Thanh toán
Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	Điều 71, 74, 75 Luật PPP	Vốn ĐTC, vốn CTX, nguồn thu hợp pháp dành để CTX			Thực hiện theo khoản 4 Điều 74 và khoản 1 Điều 75 Luật PPP

Bảng 1. Mục đích sử dụng vốn Nhà nước và nguồn vốn Nhà nước tham gia dự án PPP



Hình 1. Mục đích sử dụng vốn Nhà nước và nguồn vốn Nhà nước tham gia dự án PPP

2. Ban Kế hoạch - Tài chính là đầu mối:

- Chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Luật PPP, Điều 20 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì tham mưu lập kế hoạch vốn đầu tư công sử dụng trong dự án PPP theo quy định tại Điều 74 Luật PPP, điểm a khoản 6 Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì lập dự toán nguồn vốn chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp dành để chi thường xuyên của ĐHQGHN (trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký hợp đồng) hoặc phối hợp với đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng dự án PPP trong việc dự toán nguồn vốn chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp dành để chi thường xuyên theo Điều 75 Luật PPP, điểm b khoản 6 Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Tham mưu quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP (trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký hợp đồng) hoặc phối hợp với đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng dự án PPP để quản lý, thanh toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định tại mục 1 chương VI Luật PPP; mục 4 Chương II Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Chương III Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

Mục 2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA GIÁM ĐỐC ĐHQGHN

Tiểu mục 2.1. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 8. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Đối với dự án do ĐHQGHN lập:

a) *Bước 1: Xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi*

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao; căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật PPP và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về xúc tiến đầu tư và dự án hợp tác công tư của ĐHQGHN, đơn vị chuẩn bị dự án PPP phối hợp với các ban chức năng có liên quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Kết quả thực hiện: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật PPP và Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số

35/2021/NĐ-CP. Trong đó:

+ Đối với dự án có công trình phải thực hiện thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc năm 2019 thì báo cáo nghiên cứu tiền khả thi phải thuyết minh nội dung về căn cứ pháp lý, sự cần thiết, hình thức thi tuyển và các nội dung liên quan khác của việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định tại Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

+ Đối với dự án có cấu phần xây dựng (trừ dự án áp dụng hợp đồng O&M), nội dung phương án thiết kế sơ bộ được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, nội dung phương án thiết kế sơ bộ được lập theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

+ Trường hợp dự án được xác định là dự án đầu tư thuộc nhóm I có nguy cơ tác động xấu tới môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Nội dung phương án tài chính sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Ban Xúc tiến đầu tư, Ban Kế hoạch – Tài chính, Ban Xây dựng, các ban chức năng và các đơn vị có liên quan khác trong ĐHQGHN (theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án đối với nội dung chuyên môn có liên quan).

b) Bước 2: Lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Kết quả thực hiện:

+ Hồ sơ gồm: các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật PPP và mục I, phần C của Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

+ Số lượng hồ sơ: 10 bộ hoặc có thể nhiều hơn tùy theo yêu cầu thẩm định.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Ban Xúc tiến đầu tư, Ban Kế hoạch – Tài chính, Ban Xây dựng, các ban chức năng và các đơn vị có liên quan khác trong ĐHQGHN

(nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án đối với nội dung chuyên môn có liên quan).

c) Bước 3: Tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- Ban Xúc tiến đầu tư tham mưu Giám đốc ĐHQGHN:

+ Thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP hoặc giao nhiệm vụ thẩm định cho Ban Xúc tiến đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 3 Điều 13 Luật PPP. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở, Ban Xúc tiến đầu tư thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực hội đồng thẩm định cấp cơ sở theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

+ Lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án PPP khi cần thiết theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp dự án PPP có sử dụng vốn đầu tư công, vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Xúc tiến đầu tư (Hội đồng thẩm định cơ sở) gửi hồ sơ tới Ban Kế hoạch - Tài chính đề nghị thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Luật PPP và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; kết quả thẩm định của Ban Kế hoạch – Tài chính gửi về Ban Xúc tiến đầu tư (Hội đồng thẩm định cơ sở) để tổng hợp.

- Kết quả thực hiện:

+ Các văn bản liên quan tới thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định cơ sở quy định từ Điều 9 đến Điều 14 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, trong đó có kế hoạch thẩm định theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP (trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở);

+ Hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra (trường hợp cần thuê tư vấn); báo cáo thẩm tra.

+ Văn bản đề nghị thẩm định, kết quả thẩm định nội dung liên quan tới vốn đầu tư công, vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị phối hợp: Ban Kế hoạch - Tài chính; các ban chức năng khác và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (theo đề nghị của đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định/ Hội đồng thẩm định đối với nội dung chuyên môn có liên quan).

d) Bước 4: Hoàn thành thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày

nhận được báo cáo thẩm tra đối với trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, Ban Xúc tiến đầu tư (Hội đồng thẩm định cấp cơ sở) hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

- Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị phối hợp: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định/Hội đồng thẩm định đối với nội dung chuyên môn có liên quan*)

e) Bước 5: Lập hồ sơ trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định chủ trương đầu tư

Sau khi nhận được báo cáo thẩm định, đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập hồ sơ trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ gồm các tài liệu quy định tại Điều 16 Luật PPP. Trong đó, dự thảo quyết định chủ trương đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 17 Luật PPP và Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Đối với dự án dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc thì dự thảo quyết định chủ trương đầu tư phải có nội dung xem xét, phê duyệt việc thi tuyển.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án đối với nội dung chuyên môn có liên quan*).

g) Bước 6: Giám đốc ĐHQGHN quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

Không quá 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc ĐHQGHN quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật PPP và Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc thì quyết định chủ trương đầu tư có nội dung xem xét, phê duyệt việc thi tuyển.

h) Bước 7: Thực hiện công bố thông tin

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư, Ban Xúc tiến đầu tư thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 và Điều 25 Luật PPP.

Các bước	Trình tự, đơn vị thực hiện/người có thẩm quyền thực hiện	Đơn vị phối hợp	Hồ sơ, thời hạn (nếu có)
Bước 1: Xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCKT)	Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Đơn vị CB dự án	Ban Xây dựng Thi tuyển PA kiến trúc/ PA thiết kế sơ bộ... Ban KH - TC PA tài chính sơ bộ... Ban XTĐT Quy trình dự án PPP, mẫu báo cáo NCKT.... Đơn vị khác Nội dung chuyên môn có liên quan	Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
Bước 2: Lập hồ sơ đề nghị thẩm định BCNCKT	Lập hồ sơ đề nghị thẩm định Đơn vị CB dự án		- Khoản 1 Điều 15 Luật PPP; - Mục I, phần C của Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; - Số lượng: 10 bộ hoặc nhiều hơn theo yêu cầu
Bước 3: Tổ chức thẩm định BCNCKT	Thẩm định/tham mưu thành lập HĐĐT Tham mưu: Ban XTĐT Quyết định: Giám đốc	Đơn vị tư vấn thẩm tra (nếu cần thuê) Báo cáo thẩm tra Ban KH - TC Thẩm định vốn ĐTC, vốn từ nguồn thu hợp pháp... Đơn vị khác Tham gia HĐĐT, phối hợp khác nếu có đề nghị	- Văn bản liên quan tới thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định; - Hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra (trường hợp cần thuê tư vấn); báo cáo thẩm tra. - Đề nghị thẩm định vốn ĐTC, vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp....
Bước 4: Hoàn thành thẩm định BCNCKT	Lập báo cáo thẩm định Ban XTĐT/HĐĐT		- Báo cáo thẩm định: khoản 2 Điều 15 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; - Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra
Bước 5: Lập hồ sơ trình xem xét, quyết định chủ trương đầu tư	Lập hồ sơ trình Đơn vị chuẩn bị dự án		Hồ sơ: Điều 16 Luật PPP
Bước 6: Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP (CTĐT)	Quyết định CTĐT Giám đốc ĐHQGHN		- Không quá 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Mẫu QĐ: Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
Bước 7: Công bố thông tin	Công bố trên HTMĐTQG Ban XTĐT		- 10 ngày kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư; - Nội dung thông tin: Điều 9, Điều 25 Luật PPP

Hình 2: Quy trình Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Giám đốc ĐHQGHN - Dự án do ĐHQGHN lập

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất

a) **Bước 1: Đề xuất dự án PPP**

Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất dự án PPP đến ĐHQGHN (qua Ban Xúc tiến đầu tư) theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) **Bước 2: Xem xét, chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

Trên cơ sở rà soát các điều kiện đối với dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật PPP, Ban Xúc tiến đầu tư tham mưu Giám đốc ĐHQGHN xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

c) **Bước 3: Xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và hồ sơ đề xuất dự án**

Trường hợp được chấp thuận, nhà đầu tư tiến hành lập hồ sơ đề xuất dự án gồm:

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật PPP, Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này.

Trường hợp nhà đầu tư đề xuất sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, Ban Xúc tiến đầu tư phối hợp với Ban Kế hoạch – Tài chính hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện nội dung sử dụng vốn Nhà nước tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, làm cơ sở để tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Hồ sơ về tư cách pháp lý; năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

d) **Sau khi hoàn thành Bước 3:** Trong vai trò là đơn vị chuẩn bị dự án PPP, nhà đầu tư lập và gửi hồ sơ tới ĐHQGHN (qua Ban Xúc tiến đầu tư) để tiếp tục thực hiện quy trình thẩm định, xem xét quyết định chủ trương đầu tư theo trình tự quy định tại các điểm b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều này.

Điều 9. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP

1. Điều kiện điều chỉnh: Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật PPP.

2. Trình tự thực hiện:

a) ***Bước 1: Xây dựng nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi***

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP xây dựng nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

b) ***Sau khi hoàn thành Bước 1:*** Đơn vị chuẩn bị dự án PPP và ĐHQGHN thực hiện các công việc theo trình tự, thẩm quyền như nội dung thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư từ bước lập, gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nêu tại các điểm b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 8 Hướng dẫn này (*chỉ khác đối tượng được thẩm định, xem xét, quyết định là nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi mà không phải là toàn bộ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi*).

3. Hồ sơ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP: Thực hiện theo khoản 4 Điều 18 Luật PPP.

Điều 10. Phê duyệt dự án PPP

1. Đối với dự án do ĐHQGHN lập:

a) ***Bước 1: Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư, xác định bên mời thầu và hình thức lựa chọn nhà đầu tư***

- Đơn vị chuẩn bị dự án: Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị chuẩn bị dự án PPP phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Trong thời gian đơn vị chuẩn bị dự án xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi, Ban Xúc tiến đầu tư tham mưu Giám đốc ĐHQGHN:

+ Thực hiện khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 35/2021/NĐ-CP;

+ Giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư cho đơn vị có chuyên môn và năng lực là bên mời thầu quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật PPP.

- Kết quả thực hiện: Báo cáo nghiên cứu khả thi được lập theo Điều 19 Luật PPP, khoản 2 Điều 24 Nghị định 35/2021/NĐ-CP và Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định 35/2021/NĐ-CP. Trong đó:

+ Đối với dự án có cấu phần xây dựng, nội dung thiết kế cơ sở được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật Xây dựng). Đối với dự án không có cấu phần xây

dựng, nội dung thiết kế cơ sở được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Trường hợp dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Nội dung phương án tài chính sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi xác định được tên bên mời thầu và hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 34 Nghị định 35/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Ban Xúc tiến đầu tư đối với nội dung chuyên môn có liên quan*)

b) Bước 2: Lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Kết quả thực hiện:

+ Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật PPP, mục I phần C Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định 35/2021/NĐ-CP và hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (đối với dự án có cấu phần xây dựng).

+ Số lượng: 10 bộ hoặc có thể nhiều hơn tùy theo yêu cầu thẩm định.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Ban Xúc tiến đầu tư, Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Xây dựng, các ban chức năng khác và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án đối với nội dung chuyên môn có liên quan*).

c) Bước 3: Tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

- Ban Xúc tiến đầu tư tham mưu Giám đốc ĐHQGHN:

+ Thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP hoặc giao nhiệm vụ thẩm định cho Ban Xúc tiến đầu tư theo quy

định tại khoản 3 Điều 6 Luật PPP. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở, Ban Xúc tiến đầu tư thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực hội đồng thẩm định cấp cơ sở theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

+ Lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án PPP khi cần thiết theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Quá trình thẩm định, theo phân công của Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc theo đề nghị của Ban Xúc tiến đầu tư, trong đó:

+ Ban Xây dựng tham gia thẩm định nội dung về bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc sản phẩm, dịch vụ công, hồ sơ thiết kế, kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP vào báo cáo thẩm định (đối với dự án có cấu phần xây dựng);

+ Các ban chức năng và đơn vị khác tham gia thẩm định nội dung về bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

+ Ban Kế hoạch - Tài chính tham gia thẩm định tính khả thi về tài chính của báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Kết quả thực hiện:

+ Các văn bản liên quan tới thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định cơ sở quy định từ Điều 9 đến Điều 14 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, trong đó có kế hoạch thẩm định theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP (trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở);

+ Hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra (trường hợp cần thuê tư vấn).

+ Đề nghị thẩm định, kết quả thẩm định của các đơn vị được đề nghị; kết quả thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng cần thực hiện...

- Đơn vị phối hợp: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong

ĐHQGHN (*theo đề nghị của đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định/ Hội đồng thẩm định đối với nội dung chuyên môn có liên quan*).

d) Bước 4: Hoàn thành báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

Không quá 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra đối với trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, Ban Xúc tiến đầu tư (Hội đồng thẩm định cấp cơ sở) hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

- Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi được lập theo khoản 2 Điều 20 Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị phối hợp: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định/ Hội đồng thẩm định đối với nội dung chuyên môn có liên quan*).

e) Bước 5: Lập hồ sơ trình xem xét, phê duyệt dự án PPP

Sau khi nhận được báo cáo thẩm định, đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP theo quy định tại Điều 22 Luật PPP. Trong đó, dự thảo quyết định phê duyệt dự án bao gồm các nội dung nêu tại Điều 23 Luật PPP và Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Các ban chức năng và các đơn vị có liên quan trong ĐHQGHN (*nếu cần thiết và theo đề nghị của đơn vị chuẩn bị dự án đối với nội dung chuyên môn có liên quan*).

g) Bước 6: Quyết định phê duyệt dự án

Không quá 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc ĐHQGHN quyết định phê duyệt dự án.

Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án với các nội dung nêu tại Điều 23 Luật PPP và Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

h) Bước 7: Công bố thông tin

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt dự án, Ban Xúc

tiền đầu tư thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 và Điều 25 Luật PPP.

Các bước	Trình tự, đơn vị thực hiện/người có thẩm quyền thực hiện	Đơn vị phối hợp	Hồ sơ, thời hạn (nếu có)
Bước 1: Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)	Lập BCNCKT Đơn vị CB dự án	Ban Xây dựng Nội dung thiết kế cơ sở... Ban KH-TC PA tài chính sơ bộ... Ban XTĐT Quy trình dự án PPP, mẫu báo cáo NCKT, khảo sát sự quan tâm của NĐT, tham mưu lựa chọn bên mời thầu, hình thức đấu thầu Đơn vị khác Nội dung chuyên môn có liên quan	Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
Bước 2: Lập hồ sơ đề nghị thẩm định BCNCKT	Lập hồ sơ đề nghị thẩm định Đơn vị CB dự án		- Khoản 1 Điều 15 Luật PPP; - Mục I, phần C của Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; - Số lượng: 10 bộ hoặc nhiều hơn theo yêu cầu
Bước 3: Tổ chức thẩm định BCNCKT	Thẩm định/tham mưu thành lập HĐĐT cơ sở Tham mưu: Ban XTĐT Quyết định: Giám đốc	Đơn vị tư vấn thẩm tra (nếu cần thuê) Báo cáo thẩm tra Ban Xây dựng Thẩm định nội dung về xây dựng; thủ tục hành chính có liên quan trong lĩnh vực XD	- Văn bản liên quan tới thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định; - Hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra (trường hợp cần thuê tư vấn); báo cáo thẩm tra. - Đề nghị thẩm định các nội dung liên quan về xây dựng; tài chính; lĩnh vực chuyên môn khác...; kết quả thẩm định, kết quả thủ tục hành chính (nếu có)
Bước 4: Hoàn thành thẩm định BCNCKT	Lập báo cáo thẩm định Ban XTĐT/HĐĐT cơ sở	Ban KH-TC Thẩm định tính khả thi về tài chính Đơn vị khác Tham gia HĐĐT, sự phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực chuyên môn khác	- Báo cáo thẩm định: khoản 2 Điều 20 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; - Thời hạn: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra
Bước 5: Lập hồ sơ trình xem xét, phê duyệt dự án	Lập hồ sơ trình Đơn vị chuẩn bị dự án		Hồ sơ: Điều 22 Luật PPP
Bước 6: Phê duyệt dự án PPP (PDDA)	Quyết định PDDA Giám đốc ĐHQGHN		- Không quá 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Mẫu QĐ: Mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
Bước 7: Công bố thông tin	Công bố trên HTMĐTQG Ban XTĐT		- 10 ngày kể từ ngày có quyết định PDDA; - Nội dung thông tin: Điều 9, Điều 25 Luật PPP

Hình 3: Quy trình Phê duyệt dự án PPP đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Giám đốc ĐHQGHN - Dự án do ĐHQGHN lập

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất

a) **Bước 1: Giao nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi**

Sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư, Ban Xúc tiến đầu tư tham mưu Giám đốc ĐHQGHN việc giao nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Kết quả thực hiện: Văn bản thỏa thuận giữa ĐHQGHN và nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) **Sau khi hoàn thành Bước 1:** Trong vai trò là đơn vị chuẩn bị dự án PPP, nhà đầu tư và ĐHQGHN thực hiện thủ tục phê duyệt dự án PPP theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thủ tục điều chỉnh phê duyệt dự án PPP

1. Điều kiện điều chỉnh: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Luật PPP.

2. Trình tự thực hiện:

a) **Bước 1: Xây dựng nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi**

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP xây dựng nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

b) **Bước 2: Sau khi hoàn thành Bước 1**

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP và ĐHQGHN thực hiện các công việc theo trình tự quy định tại các khoản b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 10 Hướng dẫn này (*chỉ khác đối tượng được thẩm định, xem xét, quyết định là nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi mà không phải là toàn bộ báo cáo nghiên cứu khả thi*).

3. Hồ sơ quyết định điều chỉnh phê duyệt dự án PPP: Thực hiện theo khoản 4 Điều 24 Luật PPP.

Tiểu mục 2.2. GIAI ĐOẠN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 12. Yêu cầu chung đối với việc lựa chọn nhà đầu tư

- Tuân thủ quy định về các hành vi bị cấm trong lựa chọn nhà đầu tư tại khoản 4, 5, 6 Điều 10 Luật PPP;

- Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 29 Luật PPP;

- Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Luật PPP, Điều 29 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

- Ngôn ngữ sử dụng trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 32 Luật PPP;

- Bảo đảm hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các Điều 37, 38,

39, 40 Luật PPP.

Điều 13. Trách nhiệm tham mưu thực hiện trong ĐHQGHN

1. Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu giúp Ban Giám đốc ĐHQGHN thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong giai đoạn lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Thẩm định và tham mưu phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 38, các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 71 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Thẩm định, tham mưu phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển theo quy định tại Điều 42, các khoản 1, 4, 5 Điều 72 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Tham mưu quyết định việc lập hồ sơ mời thầu căn cứ thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán được duyệt trong trường hợp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

d) Thẩm định, tham mưu phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 49, các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 71 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

e) Thẩm định, tham mưu phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

g) Thẩm định, tham mưu phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

h) Tham mưu Giám đốc ĐHQGHN quyết định việc chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 67, Điều 68 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

i) Tham mưu thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 40 Luật PPP và các Điều 69, 70 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Ban Xây dựng là đầu mối tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện việc lập, thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán (bao gồm cả chi phí tổ chức thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng) đối với tiểu dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, làm cơ sở để phê duyệt nội dung này đồng thời với hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Tiểu mục 2.3. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

Điều 14. Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện việc ký kết hợp đồng dự án PPP

1. Trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng, Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện trách nhiệm của một bên trong hợp đồng quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Hướng dẫn này.

2. Trường hợp ĐHQGHN ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc là cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị được ủy quyền phối hợp với Ban Xúc tiến đầu tư, các ban chức năng và các đơn vị có liên quan để thực hiện các thủ tục quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Hướng dẫn này.

Điều 15. Ký kết Hợp đồng dự án PPP

1. Bước 1: Tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu tổ chức đàm phán theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

- Kết quả thực hiện:

+ Trường hợp đàm phán thành công: Hoàn thiện Hợp đồng PPP. Dự thảo Hợp đồng đáp ứng các nội dung cơ bản tại Điều 47 Luật PPP, có quy định việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo khoản 3 Điều 60 Luật PPP và bám sát Hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án PPP tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP

+ Trường hợp đàm phán không thành công: Hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc hủy thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 64, khoản 4 Điều 66 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Bước 2: Ký kết hợp đồng dự án PPP

a) Điều kiện ký kết:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật PPP, hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, hồ sơ dự thầu còn hiệu lực, thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và hồ sơ mời thầu.

- Theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP, tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi ĐHQGHN và cơ quan ký kết hợp đồng (trường hợp được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng) phương án bảo đảm huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.

b) Các bên tham gia ký kết: Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật PPP hợp

đồng được ký kết giữa một bên là ĐHQGHN hoặc đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền với một bên là nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

c) Kết quả thực hiện: Hợp đồng dự án PPP được ký kết.

3. Bước 3: Công khai thông tin

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng dự án PPP được ký kết, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Kết quả thực hiện: Thông tin được công khai theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 16. Sửa đổi Hợp đồng dự án PPP

1. Điều kiện thực hiện: Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 50 Luật PPP.

2. Trình tự sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật PPP. Cụ thể:

a) Bước 1: Đề nghị sửa đổi hợp đồng

Một trong các bên ký kết hợp đồng có văn bản đề nghị sửa đổi hợp đồng.

Kết quả thực hiện: Văn bản đề nghị sửa đổi hợp đồng nêu rõ trường hợp được áp dụng để xem xét sửa đổi.

b) Bước 2: Tổ chức đàm phán

Các bên trong hợp đồng tổ chức đàm phán hợp đồng. Nội dung đàm phán gồm: Nội dung dự kiến sửa đổi bao gồm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; thời hạn hợp đồng; các nội dung khác của hợp đồng khi có sự thay đổi.

c) Bước 3: Ký kết phụ lục hợp đồng đối với các nội dung sửa đổi

Kết quả thực hiện: Phụ lục hợp đồng được ký kết.

Tiểu mục 2.4. TRIỂN KHAI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

Điều 17. Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện triển khai hợp đồng dự án PPP

1. Trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP:

a) Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng quy định tại Điều 18; các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 20; Điều 21, Điều 22 Hướng dẫn này.

b) Ban Xây dựng là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn

vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20; Điều 24 Hướng dẫn này.

c) Ban Kế hoạch - Tài chính là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng quy định tại Điều 25 Hướng dẫn này.

2. Trường hợp ĐHQGHN ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ký kết hợp đồng dự án PPP:

a) Đơn vị được ủy quyền ký kết hợp đồng phối hợp với Ban Xúc tiến đầu tư, các ban chức năng và các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Hướng dẫn này; chịu trách nhiệm trước ĐHQGHN, Giám đốc ĐHQGHN và pháp luật về việc thực hiện các nội dung công việc được ủy quyền.

b) Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN trong việc thực hiện trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra các nội dung công việc do cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện.

Điều 18. Giám sát dự án PPP

1. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án nhận các báo cáo giám sát do nhà đầu tư gửi theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 7 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP gồm:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án;
- c) Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung được phê duyệt và hợp đồng dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (Nghị định số 29/2021/NĐ-CP); tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư do doanh nghiệp dự án PPP thực hiện để báo cáo ĐHQGHN theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. ĐHQGHN, Giám đốc ĐHQGHN tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra việc lựa chọn nhà đầu tư, ký kết Hợp đồng dự án; tình hình thực hiện hợp đồng dự án thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 56, Điều 58 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP. Việc kiểm tra được thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án do mình phê duyệt;
- b) Kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng vốn đầu tư.

Điều 19. Đánh giá dự án PPP

1. Dự án do Giám đốc ĐHQGHN quyết định chủ trương đầu tư phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP. Trong đó:

a) Trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng: Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng khác và các đơn vị có liên quan tham mưu, thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động dự án.

b) Trường hợp ĐHQGHN ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc là cơ quan ký kết hợp đồng:

- Đơn vị được ủy quyền thực hiện đánh giá kết thúc;

- Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng khác và các đơn vị có liên quan tham mưu cho ĐHQGHN thực hiện đánh giá tác động dự án.

2. Nội dung đánh giá dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Đầu tư công.

Điều 20. Theo dõi việc triển khai hợp đồng dự án của Doanh nghiệp dự án PPP

1. Cơ quan ký kết hợp đồng theo dõi việc doanh nghiệp dự án PPP lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán thông qua việc nhận hồ sơ thiết kế, dự toán đã được phê duyệt; hồ sơ thẩm định thiết kế, dự toán của cơ quan chuyên môn do doanh nghiệp dự án PPP gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật PPP.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện hoặc thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện việc quản lý, giám sát chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 59 Luật PPP, khoản 8 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

3. Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng của doanh nghiệp dự án PPP theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm tổ chức giám sát hoặc thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp theo hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 66 Luật PPP.

5. Doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm báo cáo cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP về tình hình thực hiện huy động, sử dụng các nguồn vốn theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.

6. ĐHQGHN, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phối hợp với doanh

nghiệp dự án PPP nhận, xử lý kịp thời ý kiến của đối tượng sử dụng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật PPP.

Điều 21. Công bố thông tin điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

1. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và điều kiện, thủ tục, điều chỉnh được quy định tại hợp đồng dự án PPP theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP, người sử dụng và Nhà nước, tạo điều kiện để nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thu hồi vốn và có lợi nhuận. Việc thỏa thuận, điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ trong hợp đồng dự án PPP phải phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước khi áp dụng mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được điều chỉnh, cơ quan ký kết hợp đồng công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 65 và Điều 9 Luật PPP.

Điều 22. Trách nhiệm của ĐHQGHN trong việc bảo đảm đầu tư

1. ĐHQGHN có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp dự án PPP thực hiện thủ tục cần thiết để được ưu tiên sử dụng dịch vụ công và công trình công cộng theo khoản 3 Điều 80 Luật PPP.

2. ĐHQGHN, cơ quan ký hợp đồng dự án PPP có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi triển khai thực hiện dự án PPP bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn về con người, tài sản của doanh nghiệp dự án PPP, nhà thầu trong quá trình triển khai thực hiện dự án PPP theo khoản 5 Điều 80 Luật PPP.

Điều 23. Chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

1. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu thực hiện như sau:

a) Điều kiện thực hiện: theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật PPP.

b) Trình tự thực hiện: theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 Nghị định 28/2021/NĐ-CP.

2. Việc chia sẻ giảm doanh thu thực hiện như sau:

a) Điều kiện thực hiện: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật PPP.

b) Trình tự thực hiện: theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 17 và Điều 18 Nghị định 28/2021/NĐ-CP.

Điều 24. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

1. ***Bước 1: Doanh nghiệp PPP lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình***

Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc pháp luật khác có liên quan làm cơ sở lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành gửi cơ quan ký kết hợp đồng

Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP

2. Bước 1: Doanh nghiệp PPP lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, cơ quan ký kết hợp đồng kiểm tra và cấp xác nhận hoàn thành cho doanh nghiệp dự án PPP. Trường hợp có nghi ngờ về chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng được thuê tư vấn kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật PPP.

Kết quả thực hiện: Cơ quan ký kết hợp đồng PPP xác nhận hoàn thành công trình.

Điều 25. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

1. Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện quyết toán vốn đầu tư công, vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sau khi hoàn thành công trình theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60 Luật PPP, Điều 13 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

2. Trình tự quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

**Tiểu mục 2.5. CHUYỂN GIAO CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ
HẠ TẦNG; THANH LÝ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP**

Điều 26. Chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

1. Việc chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và xác định chất lượng, giá trị công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trước khi chuyển giao thực hiện theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.

2. Nguyên tắc, điều kiện chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng dự án PPP; trình tự thực hiện việc chuyển giao và hồ sơ đề nghị chuyển giao thực hiện theo quy định tại Điều 77, 78, 79 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 27. Xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản được đầu tư theo hình thức PPP; phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan ký kết hợp đồng là đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày

05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

2. Giám đốc ĐHQGHN quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

4. Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

Điều 28. Chấm dứt Hợp đồng dự án PPP

1. Cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo đúng thời hạn quy định tại hợp đồng dự án và theo trình tự quy định tại các Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn theo quy định tại Điều 52 Luật PPP, Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Công việc cần xử lý khi hợp đồng chấm dứt trước hạn được thực hiện như sau:

a) Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu (trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng) hoặc đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng thực hiện phối hợp với bên cho vay lựa chọn nhà đầu tư thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP nhằm bảo đảm tính liên tục trong quá trình thực hiện dự án.

b) Ban Xây dựng là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu (trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng) hoặc đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng tổ chức bảo đảm an toàn, chống xuống cấp cho công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc tổ chức vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 5 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP trong thời gian chưa thực hiện phương án xử lý, chưa lựa chọn được nhà đầu tư thay thế.

c) Ban Kế hoạch - Tài chính là đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị có liên quan tham mưu (trường hợp ĐHQGHN là cơ quan ký kết hợp đồng) hoặc đơn vị được ĐHQGHN ủy quyền ký kết hợp đồng báo cáo Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định các trường hợp phải chi trả chi phí xử lý khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; cách thức, giá trị, nguồn vốn được sử dụng để chi trả cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án nếu thuộc trách nhiệm của phía Nhà nước theo quy định tại Điều

82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 29. Thanh lý hợp đồng dự án PPP

Các bên trong hợp đồng dự án PPP thực hiện việc thanh lý hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 68 Luật PPP. Cụ thể:

1. Điều kiện thanh lý hợp đồng
 - a) Trường hợp các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, các bên xác nhận việc hoàn thành và chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên;
 - b) Trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật PPP, các bên xác nhận các nghĩa vụ đã hoàn thành và trách nhiệm của các bên đối với phần công việc chưa hoàn thành.
2. Thời hạn thanh lý hợp đồng dự án PPP do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không quá 180 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
3. Trường hợp phát sinh chi phí khi thanh lý hợp đồng thì nội dung thanh lý hợp đồng phải xác định nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP đối với chi phí phát sinh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của các ban chức năng, đơn vị trong ĐHQGHN

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, lãnh đạo các ban chức năng, đơn vị trong ĐHQGHN có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Hướng dẫn này. Quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị kịp thời báo cáo Giám đốc ĐHQGHN để chỉ đạo nghiên cứu, giải quyết.
2. Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối tổng hợp các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Hướng dẫn và quy định pháp luật về PPP; phối hợp với các ban chức năng, đơn vị trong ĐHQGHN tham mưu Giám đốc ĐHQGHN biện pháp giải quyết theo quy định; tham mưu thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo định kỳ hằng năm gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo và hình thức báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.
3. Ban Xúc tiến đầu tư là đầu mối phối hợp với Văn phòng ĐHQGHN, các ban chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện lưu trữ hồ sơ trong đầu tư PPP quy định tại Điều 3 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP./.

MỤC LỤC

Các Điều trong Hướng dẫn tạm thời thực hiện quy trình đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Chương I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi áp dụng	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng	1
Điều 4. Giải thích từ ngữ	2
Chương II - NỘI DUNG	3
Mục 1. THẨM QUYỀN, CÁC LOẠI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP, QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC THAM GIA DỰ ÁN PPP	3
Điều 5. Thẩm quyền của ĐHQGHN và Giám đốc ĐHQGHN khi tham gia dự án PPP.....	3
Điều 6. Các loại hợp đồng dự án PPP mà ĐHQGHN có thể tham gia.....	5
Điều 7. Quản lý vốn nhà nước tham gia dự án PPP.....	5
Mục 2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA GIÁM ĐỐC ĐHQGHN	8
Tiểu mục 2.1. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
Điều 8. Quyết định chủ trương đầu tư	8
Điều 9. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP	13
Điều 10. Phê duyệt dự án PPP	14
Điều 11. Thủ tục điều chỉnh phê duyệt dự án PPP	19
Tiểu mục 2.2. GIAI ĐOẠN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	19
Điều 12. Yêu cầu chung đối với việc lựa chọn nhà đầu tư.....	19
Điều 13. Trách nhiệm tham mưu thực hiện trong ĐHQGHN	20
Tiểu mục 2.3. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP	20
Điều 14. Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện việc ký kết hợp đồng dự án PPP	20
Điều 15. Ký kết Hợp đồng dự án PPP.....	21
Điều 16. Sửa đổi Hợp đồng dự án PPP	22
Tiểu mục 2.4. TRIỂN KHAI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP	22

Điều 17. Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện triển khai hợp đồng dự án PPP	22
Điều 18. Giám sát dự án PPP.....	23
Điều 19. Đánh giá dự án PPP	24
Điều 20. Theo dõi việc triển khai hợp đồng dự án của Doanh nghiệp dự án PPP .	24
Điều 21. Công bố thông tin điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.....	25
Điều 22. Trách nhiệm của ĐHQGHN trong việc bảo đảm đầu tư	25
Điều 23. Chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu	25
Điều 24. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.....	25
Điều 25. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	26
Tiểu mục 2.5. CHUYỂN GIAO CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG; THANH LÝ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP.....	26
Điều 26. Chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.....	26
Điều 27. Xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản được đầu tư theo hình thức PPP; phê duyệt phương án xử lý tài sản.....	26
Điều 28. Chấm dứt Hợp đồng dự án PPP	27
Điều 29. Thanh lý hợp đồng dự án PPP	28
Chương III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN	28
Điều 30. Trách nhiệm của các ban chức năng, đơn vị trong ĐHQGHN	28